

Số: 768 /VTVcab

Hà Nội, ngày 30 tháng 7 năm 2024

V/v: Giải trình lợi nhuận sau thuế TNDN
trên BCTC riêng quý 2 năm 2024 của
VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ
năm trước

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình cáp Việt Nam

Mã chứng khoán: CAB

Địa chỉ: Số 3/84 đường Ngọc Khánh, P.Giảng Võ, Q.Ba Đình, Hà Nội

Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

Căn cứ Quy chế công bố thông tin tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành kèm theo Quyết định số 606/QĐ –SGDHN ngày 29/09/2016 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tổng Công ty Truyền hình Cáp Việt Nam (VTVcab) giải trình chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp trên Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2024 của VTVcab thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước:

CHỈ TIÊU	Quý 2/ 2024	Quý 2/2023	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	477.391.984.711	518.640.126.824	(41.248.142.113)	-8%
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	140.763.639	(140.763.639)	-100%
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	477.391.984.711	518.499.363.185	(41.107.378.474)	-8%
4. Giá vốn	390.082.894.955	415.313.002.103	(25.230.107.148)	-6%
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	87.309.089.756	103.186.361.082	(15.877.271.326)	-15%
6. Doanh thu hoạt động tài chính	13.239.234	15.638.370	(2.399.136)	-15%
7. Chi phí tài chính	3.594.954.898	5.237.806.143	(1.642.851.245)	-31%
- Trong đó: Chi phí lãi vay	2.807.108.943	4.900.576.060	(2.093.467.117)	-43%
8. Chi phí bán hàng	21.931.925.878	47.178.981.898	(25.247.056.020)	-54%

CHỈ TIÊU	Quý 2/ 2024	Quý 2/2023	Chênh lệch	
			Giá trị (VNĐ)	Tỷ lệ % tăng/giảm
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	57.514.436.902	49.499.347.603	8.015.089.299	16%
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	4.281.011.312	1.285.863.808	2.995.147.504	233%
11. Thu nhập khác	360.975	5.622.006.372	(5.621.645.397)	-100%
12. Chi phí khác	62.701.243	51.283.927	11.417.316	22%
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	(62.340.268)	5.570.722.445	(5.633.062.713)	-101%
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	4.218.671.044	6.856.586.253	(2.637.915.209)	-38%
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	1.681.659.590	1.365.333.012	316.326.578	23%
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	111.911.897	(111.911.897)	-100%
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	2.537.011.454	5.379.341.344	(2.842.329.890)	-53%

Chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2024 của VTVcab giảm 53% so với Báo cáo tài chính riêng quý 2 năm 2023.

Trong quý 2 năm 2024, tình hình kinh doanh của VTVcab gặp nhiều khó khăn, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của VTVcab giảm 8% so với cùng kỳ năm trước. Mặc dù VTVcab đã áp dụng các biện pháp để giảm chi phí giá vốn hàng bán 6%, giảm chi phí lãi vay 43%, giảm chi phí bán hàng 54% so với cùng kỳ năm trước tuy nhiên vẫn không bù đắp được giá trị doanh thu sụt giảm dẫn đến tổng lợi nhuận sau thuế quý 2 năm 2024 của VTVcab giảm 53% so với cùng kỳ năm 2023.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VP, TCKT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



VŨ HẢI THANH